

Bạo lực tinh thần giữa các nữ học sinh ở một trường trung học phổ thông ở Hà Nội

Trương Thị Thu Thủy*

Tóm tắt: Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu sẵn có và phỏng vấn bảng hỏi bán cấu trúc với 228 học sinh nữ ở một trường trung học phổ thông ở ngoại thành Hà Nội, nhằm tìm hiểu thực trạng bạo lực tinh thần giữa các học sinh nữ cũng như cách thức các em ứng phó với bạo lực từ bạn học nữ. Kết quả nghiên cứu cho thấy khoảng một nửa học sinh nữ bị bạo lực tinh thần từ phía các bạn học, và các hành vi bạo lực tinh thần này thường đến từ một nhóm các học sinh nữ khác, ít khi là một cá nhân đơn lẻ. Bên cạnh đó, có gần một phần tư học sinh nữ gây bạo lực tinh thần cho bạn học với hành vi thường thấy là cô lập xã hội nạn nhân. Nghiên cứu cũng chỉ ra xu hướng phản ứng ôn hòa với bạo lực tinh thần của học sinh và ghi nhận vai trò của giáo viên trong vấn đề này¹.

Từ khóa: Bạo lực học đường; Bạo lực tinh thần; Ứng phó với bạo lực học đường; Học sinh nữ; Học sinh trung học phổ thông.

Phân loại ngành: Xã hội học

Ngày nhận bài: 03/10/2022; ngày chỉnh sửa: 14/10/2022; ngày duyệt đăng: 25/10/2022.

1. Giới thiệu

Các nghiên cứu có quy mô lớn về bạo lực học đường đã chỉ ra bạo lực tinh thần là một trong hai hình thức bạo lực phổ biến trên tất cả các quốc gia được khảo sát (Plan International và ICRW, 2015; UNESCO, 2019). Ví dụ, kết quả

* TS., Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

¹ Bài viết là sản phẩm của Đề tài cấp Cơ sở “Bạo lực thể chất và bạo lực tinh thần giữa các nữ học sinh trung học phổ thông (Nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội)” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2022.

phân tích số liệu GSHS² cho thấy bạo lực tinh thần, cụ thể là bắt nạt trên mạng có xu hướng tăng lên trong những năm qua với tỷ lệ trẻ em trong độ tuổi 11-16 sử dụng Internet bị bắt nạt trên mạng tăng từ 7% năm 2010 lên 12% năm 2014 (UNESCO, 2019).

Học sinh nữ có nhiều khả năng bị bạo lực tinh thần hơn (Inchley và cộng sự, 2020) vì họ bị “dán nhãn” và do các đặc điểm cơ thể, tính cách hoặc xuất thân của mình (Plan International và ICRW, 2015: 10). Dữ liệu GSHS cho thấy ngoại hình là lý do thường xuyên nhất được đưa ra để chế giễu, bắt nạt giữa các nữ học sinh, đặc biệt ở khu vực châu Á, Caribe và châu Phi cận Sahara (UNESCO, 2019). GSHS ở Việt Nam cũng ghi nhận điều tương tự³ (Bộ Y tế và các tổ chức khác, 2021: 45). Bên cạnh đó, việc trở thành nạn nhân của bạn bè được coi là một yếu tố nguy cơ chính đối với các vấn đề sức khỏe tâm thần ở trẻ em hoặc để lại các ảnh hưởng tâm lý kéo dài đến tuổi trưởng thành (Copeland và cộng sự, 2013; Fergusson & Lynskey, 1997; Van Geel và cộng sự, 2014, dẫn theo Wandera và cộng sự, 2017). Schwartz và cộng sự giải thích rằng, việc trở thành nạn nhân của hành vi bạo lực từ bạn bè có thể do sự giảm sút nhận thức bản thân, trong đó lòng tự trọng bị hạ thấp là yếu tố được nhắc đến nhiều nhất. Mô hình này đặc biệt rõ ràng đối với trẻ vị thành niên có các đặc điểm như hay tự trách bản thân, hoặc có xu hướng nghĩ bản thân là kiểu người thu hút sự bắt nạt. Sự tự trách bản thân về tính cách có thể khiến người bị bắt nạt chấp nhận sự ngược đãi của bạn bè. Ngoài ra, trẻ vị thành niên bị bắt nạt cũng có vấn đề trong các hành vi tương tác với bạn bè đồng trang lứa. Điều này đặc biệt đáng lo ngại ở chỗ người bị bắt nạt nhận thức rằng mình ở vị trí yếu thế trong các tương tác ngang hàng, nhận thức này có thể góp phần vào các hành vi thu mình và phục tùng của họ, và do đó có thể làm trầm trọng thêm những trở ngại trong giao tiếp và tình trạng bị bắt nạt bởi các bạn cùng trang lứa của họ (Schwartz và cộng sự, 2011). Phát hiện này được khẳng định lại trong một số nghiên cứu về sau (Sellnow và cộng sự, 2019).

² Năm 2001, WHO phối hợp với Chương trình Phối hợp của Liên hợp quốc về HIV/AIDS (UNAIDS), Tổ chức Giáo dục, Khoa học và Văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO) và Quỹ Nhi đồng Liên hợp quốc (UNICEF), với sự hỗ trợ kỹ thuật của Trung tâm Kiểm soát và Phòng ngừa Dịch bệnh Hoa Kỳ (CDC), đã khởi xướng Khảo sát Sức khỏe học sinh toàn cầu tại Trường học (GSHS). GSHS là một dự án giám sát hợp tác được thiết kế để giúp các quốc gia đo lường các yếu tố nguy cơ hành vi và các yếu tố bảo vệ trong 10 lĩnh vực chính của thanh thiếu niên từ 13-17 tuổi. Đến tháng 1 năm 2020, 103 quốc gia tại châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, Đông Địa Trung Hải, Đông Nam Á và phía tây Thái Bình Dương đã hoàn thành một hoặc nhiều vòng GSHS.

³ Báo cáo Khảo sát sức khỏe học sinh toàn cầu tại trường học năm 2019 tại Việt Nam. GSHS được thực hiện ở Việt Nam năm 2013 và 2019. Dung lượng mẫu GSHS năm 2019 là 7.796 học sinh 13-17 tuổi ở 81 trường học ở 20 tỉnh.

Nghiên cứu về bạo lực tinh thần giữa các học sinh ở Việt Nam đã cung cấp nhiều bằng chứng cho thấy mức độ phổ biến cũng như các hậu quả đáng lo ngại đối với sức khỏe của các nạn nhân (Lê Văn Anh và cộng sự, 2013; Nguyễn Thị Như Trang, 2017). Hậu quả của bạo lực là các em phải chịu những rối loạn tâm thần và tâm lý xã hội, trong đó có cả trạng thái trầm cảm và thậm chí có ý định tự tử (UNESCO, 2016), hoặc ảnh hưởng tiêu cực tới các mối quan hệ xã hội và thành tích học tập của học sinh (Đặng Bích Thủy và cộng sự, 2018). Tuy nhiên, các nghiên cứu đi sâu tìm hiểu bạo lực tinh thần giữa các nữ học sinh, hoặc các biện pháp ứng phó với bạo lực tinh thần từ góc nhìn người trong cuộc còn khá khiêm tốn.

Với mục tiêu nhằm tìm hiểu thực trạng bạo lực tinh thần giữa các học sinh nữ cũng như cách thức các em ứng phó với bạo lực từ phía bạn học, bài viết này sẽ trình bày hai nội dung chính: (i) mức độ phổ biến của các hành vi bạo lực tinh thần giữa các nữ học sinh; và (ii) cách ứng phó với bạo lực tinh thần của học sinh. Về mặt khái niệm, việc đưa ra một định nghĩa chuẩn xác và duy nhất về bạo lực tinh thần là tương đối khó khăn do sự chồng lấp của một số biểu hiện bạo lực và các hình thức bạo lực. Ví dụ như trong nghiên cứu về bạo lực học đường của UNESCO, bạo lực tinh thần được cho là việc lạm dụng tình cảm, loại trừ xã hội và bắt nạt tâm lý nhằm gây tổn thương về mặt tinh thần cho người bị bạo lực (UNESCO, 2019). Trong một số nghiên cứu quốc tế khác, bạo lực tinh thần đôi khi được sử dụng bằng thuật ngữ “bạo lực lời nói”, “bạo lực tâm lý xã hội” (Đặng Bích Thủy và cộng sự, 2018). Hơn nữa, hành vi bạo lực được nghiên cứu từ nhiều cách tiếp cận khác nhau và mỗi một cách tiếp cận lại tập trung vào những khía cạnh cụ thể (Estévez¹ và cộng sự, 2008). Do đó, trong phạm vi bài viết này, “bạo lực tinh thần” được hiểu là những hành động và sự đe dọa xảy ra trong môi trường học đường hoặc qua Internet và các thiết bị di động, bao gồm những lời nói châm chọc, giễu cợt, dùng từ ngữ nhạo báng, nói xấu/tung tin đồn nhảm hoặc tẩy chay, cô lập về mặt xã hội, đe dọa và sỉ nhục, v.v. giữa các học sinh/bạn cùng học/đồng trang lứa với nhau⁴. “Nữ học sinh trung học phổ thông” trong nghiên cứu này là các học sinh nữ hiện đang học học mười đến lớp mười hai.

Bài viết nằm trong khuôn khổ Đề tài cấp cơ sở “Bạo lực thể chất và bạo lực tinh thần giữa các nữ học sinh trung học phổ thông (nghiên cứu trường hợp tại Hà Nội)” do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện năm 2022.

⁴ Định nghĩa khái niệm này được tổng hợp từ các nghiên cứu về bạo lực học đường của UNESCO, 2016; UNESCO, 2019; Đặng Bích Thủy và cộng sự, 2018.

2. Phương pháp và mẫu nghiên cứu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích tài liệu sẵn có và phỏng vấn bảng hỏi bán cấu trúc.

Các tài liệu sẵn có là các ấn phẩm đã xuất bản, công bố tại nước ngoài và trong nước khoảng 10 năm trở lại đây. Về cơ bản, các tài liệu nước ngoài chúng tôi tiếp cận được có thể chia thành hai loại: một là các nghiên cứu sử dụng số liệu khảo sát quy mô lớn toàn cầu (như Khảo sát Sức khỏe học sinh toàn cầu (GSHS), Khảo sát Hành vi sức khỏe ở trẻ em trong độ tuổi đi học (HBSC)⁵, hoặc khu vực (như nghiên cứu của Plan International và ICRW)⁶; hai là các nghiên cứu trường hợp.

Bảng hỏi bán cấu trúc được chúng tôi xây dựng dựa trên việc tham khảo một số nội dung và câu hỏi trong các nghiên cứu sẵn có và các cuộc khảo sát như GSHS, HBSC nhằm đo lường mức độ, các biểu hiện bạo lực, các biện pháp ứng phó với bạo lực.

Về mẫu nghiên cứu, đề tài đã tiến hành một cuộc khảo sát cắt ngang đối với 228 nữ học sinh hiện đang theo học lớp 10, 11 và 12 tại huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội, vào tháng 5/2022. Trong đó, học sinh nữ khối lớp 10 là 71 học sinh; khối 11 là 88 học sinh; khối 12 là 69 học sinh. Sau khi được sự cho phép của Ban Giám hiệu nhà trường, nhóm nghiên cứu đã hướng dẫn học sinh tự trả lời bảng hỏi tại lớp.

3. Các biến số và kỹ thuật phân tích

Biến số phụ thuộc

Dựa trên kết quả tổng quan tài liệu, biến số “bạo lực tinh thần” được xây dựng từ 17 hành vi bạo lực, bao gồm: lấy trộm/giật đồ vật; nhốt trong không gian nhỏ, kín; dọa đánh; dọa phá hủy đồ dùng cá nhân; chế giễu, mỉa mai, nhạo báng; phớt lờ/cô lập trong nhóm/lớp; nói/tỏ thái độ không muốn ngồi cạnh/không cho tham gia hoạt động nhóm; bị loại ra khỏi một nhóm bạn nữ vốn vẫn đang chơi cùng nhau; buôn chuyện và lan truyền những tin đồn không hay; lăng mạ, xúc

⁵ Health Behaviour in School-aged Children (HBSC) là một nghiên cứu hợp tác xuyên quốc gia của WHO về sức khỏe và hạnh phúc của vị thành niên từ 11-15 tuổi. Được thành lập vào năm 1982, cuộc khảo sát được thực hiện bốn năm một lần bằng cách sử dụng bảng câu hỏi tự báo cáo. Hiện nay, HBSC bao gồm 51 quốc gia và khu vực trên khắp châu Âu và Bắc Mỹ.

⁶ Nghiên cứu về Bạo lực trên cơ sở giới liên quan đến học đường (SRGBV) do Trung tâm Nghiên cứu về Phụ nữ Quốc tế (ICRW) phối hợp với Tổ chức Plan International thực hiện năm 2014, tại 5 quốc gia - Campuchia, Indonesia, Nepal, Pakistan và Việt Nam với 9.103 trẻ em gái và trẻ em trai từ 12-17 tuổi.

phạm hình ảnh, danh dự, nhân phẩm; cố tình kéo, giật, làm rách quần áo trước đám đông; và các hành vi bạo lực qua mạng.

Một nữ sinh được coi là bị bạo lực tinh thần nếu từng chịu bất kỳ một hành vi nào trong 17 hành vi nêu trên từ phía các bạn học nữ một lần trong ba năm qua. Việc xác định quãng thời gian ba năm là do từ năm 2020 Việt Nam thực hiện các biện pháp nghiêm ngặt phòng chống dịch Covid-19, trong đó có biện pháp áp dụng cho ngành giáo dục là học sinh chủ yếu học trực tuyến.

Biến số độc lập

Các nghiên cứu đi trước cho thấy có mối liên hệ giữa một số yếu tố như sự gắn kết của trẻ với cha mẹ, giáo viên, yếu tố nhóm bạn và trải nghiệm bạo lực gia đình với các hành vi bạo lực và phản ứng với bạo lực của các em học sinh (Phan Đức Nam, 2016; UNESCO, 2016; Nguyễn Thị Như Trang, 2017; Đặng Bích Thủy và cộng sự, 2018). Từ kết quả phân tích tài liệu, nghiên cứu xây dựng hệ biến số độc lập như sau:

- (1) Sự gắn kết giữa giáo viên và học sinh, thể hiện qua việc các em có biết một giáo viên trong trường mà các em có thể tâm sự, chia sẻ các vấn đề xảy ra ở trường.
- (2) Có bạn thân ở trường.
- (3) Sự gắn kết với bố mẹ, thể hiện qua việc các em cho rằng mình có sự gắn bó, thân thiết và có thể tâm sự với cha mẹ.
- (4) Từng chứng kiến bạo lực giữa bố và mẹ.
- (5) Từng trải qua bạo lực gia đình từ bố hoặc mẹ.

Kỹ thuật phân tích

Dữ liệu định lượng được xử lý bằng phần mềm SPSS 20.0 và được phân tích bằng hai kỹ thuật chủ yếu là tần suất và tương quan hai biến.

4. Kết quả nghiên cứu

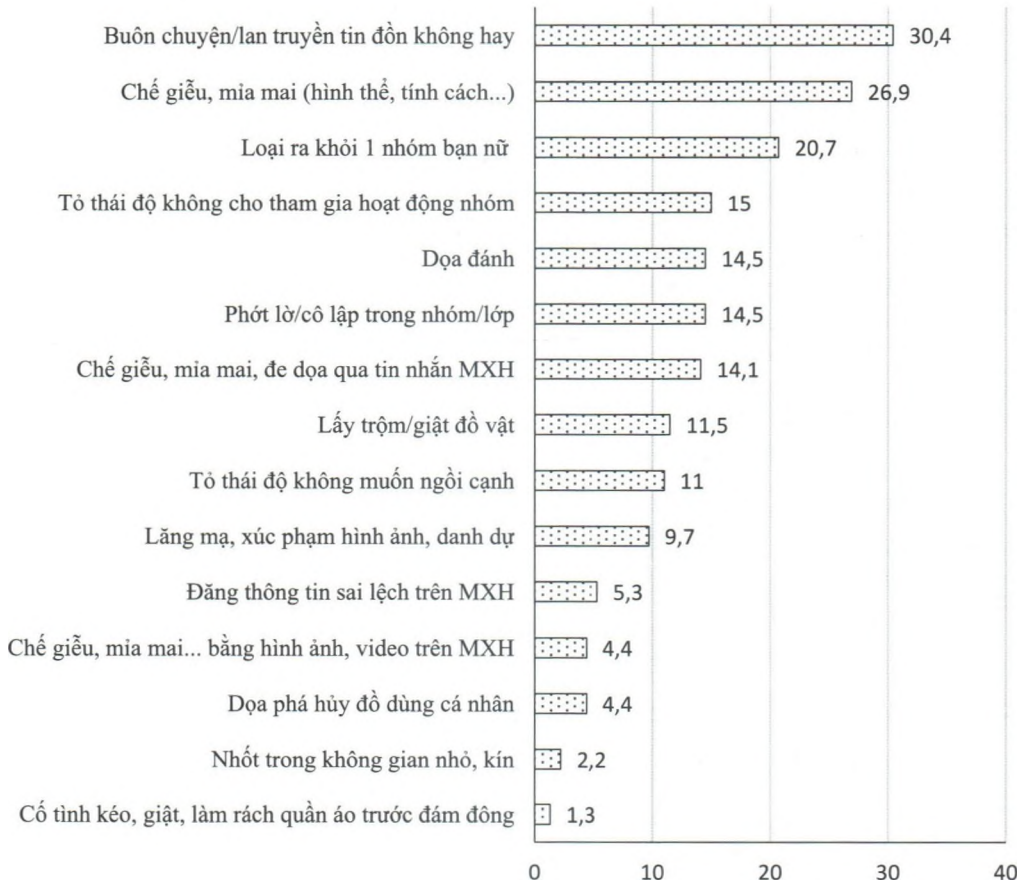
4.1. Mức độ phổ biến của bạo lực tinh thần giữa các nữ học sinh

Theo kết quả phân tích, có 50,4% học sinh nữ từng chịu ít nhất một lần bạo lực tinh thần từ phía các bạn nữ khác. Trong đó, chủ yếu là học sinh khối 11 với 61,4% em trả lời đã từng chịu ít nhất một lần bạo lực, hai khối 10 và 12 có tỷ lệ chịu bạo lực tinh thần lần lượt là 46,5% và 40,6%.

Các hành vi bạo lực tinh thần phổ biến giữa nữ học sinh là buôn chuyện hoặc lan truyền tin đồn không hay (30,4%), chế giễu/mỉa mai hình thể hoặc tính cách (26,9%), loại một bạn ra khỏi một nhóm bạn vốn vẫn đang chơi

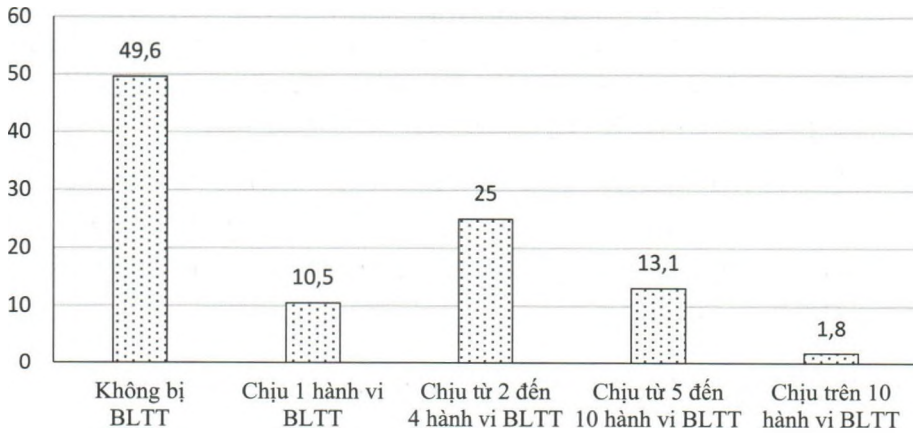
cùng nhau (20,7%). Trong các hành vi bạo lực tinh thần qua mạng, hành vi chế giễu/mỉa mai/đe dọa qua tin nhắn mạng xã hội có tỷ lệ cao nhất 14,1% (Biểu đồ 1).

Biểu đồ 1. Tỷ lệ các hành vi bạo lực tinh thần giữa các nữ học sinh



Trong một lần bị bạo lực, các em học sinh có thể phải chịu từ một đến nhiều loại hành vi bạo lực. Xem xét số lượng các loại hành vi bạo lực tinh thần mà một nữ sinh gặp phải trong 3 năm qua, số liệu Biểu đồ 2 cho thấy chỉ có 10,5% trẻ bị một loại hành vi bạo lực đơn lẻ từ phía bạn học, đa số còn lại phải chịu đựng nhiều hơn thế, với 25% trẻ chịu từ 2 đến 4 loại hành vi bạo lực, 13,1% trẻ chịu từ 5 đến 10 loại hành vi bạo lực, và 1,8% trẻ chịu trên 10 hành vi bạo lực từ các bạn học. Điều này gợi ý rằng, những nữ sinh là nạn nhân của nhiều loại hành vi bạo lực tinh thần có khả năng phải chịu hậu quả nghiêm trọng hơn so với những trẻ chịu đựng một loại hành vi bạo lực đơn nhất.

Biểu đồ 2. Tỷ lệ nữ sinh bị bạo lực tinh thần theo số lượng các loại hành vi



Phân tích mối liên hệ giữa việc bị bạo lực với một số đặc điểm nhân khẩu - xã hội của học sinh cho thấy, tỷ lệ nữ sinh bị bạo lực tinh thần ở nhóm có chứng kiến bạo lực giữa bố mẹ cao hơn 1,4 lần so với nhóm không chứng kiến bạo lực giữa bố mẹ (tương ứng 59,6% so với 43,8%), và mối liên hệ này có ý nghĩa thống kê ($p=0,046$) (Bảng 1). Các yếu tố nhân khẩu - xã hội khác như sự gắn kết với bố mẹ hay có bạn thân ở trường không cho thấy mối liên hệ rõ ràng với tỷ lệ học sinh nữ bị bạo lực tinh thần.

Bảng 1. Tỷ lệ nữ sinh bị bạo lực tinh thần chia theo sự gắn kết giữa giáo viên và học sinh, từng chứng kiến bạo lực giữa bố mẹ, và từng trải qua bạo lực gia đình từ bố (%)

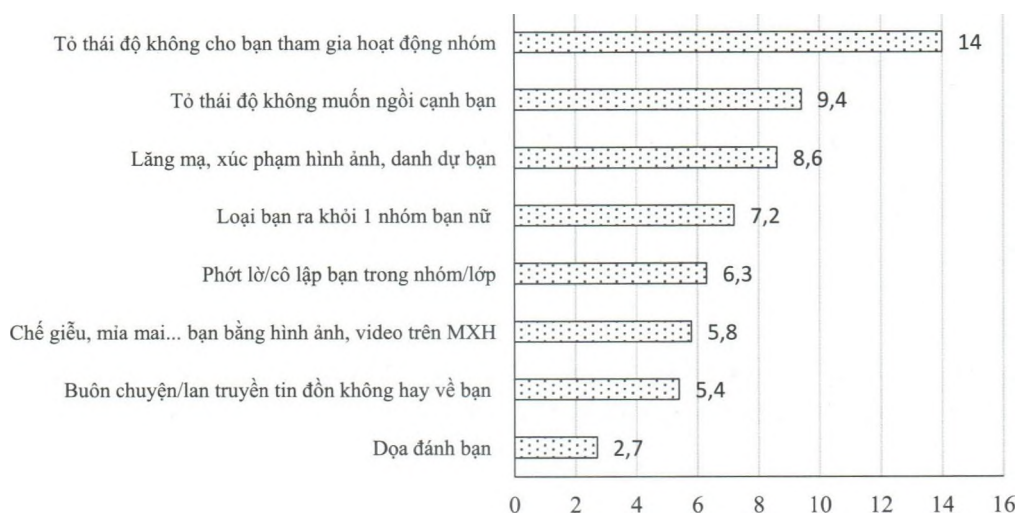
	Nữ sinh bị bạo lực tinh thần	
	%	N
Chung	50,4	228
Gắn kết giữa giáo viên và học sinh		
Có gắn kết	50,0	64
Không gắn kết	51,9	156
Chứng kiến bạo lực giữa bố và mẹ*		
Có chứng kiến	59,6	57
Không chứng kiến	43,8	128
Bị bạo lực từ bố		
Bị bạo lực	57,9	57
Không bị bạo lực	40,8	171

Mức ý nghĩa thống kê: * $P<0,05$

Ở chiều ngược lại, khi xem xét các nữ sinh với vai trò là người gây bạo lực tinh thần đối với bạn học, kết quả nghiên cứu cho thấy một tỷ lệ đáng kể học sinh nữ đã từng gây ra ít nhất một lần bạo lực tinh thần với bạn nữ khác (24,6%), và thủ phạm bạo lực tập trung nhiều hơn ở khối lớp 10, tiếp đó là khối 11 và khối 12 (tỷ lệ lần lượt là 29,6%, 27,3% và 15,9%).

Các hành vi bạo lực tinh thần mà nữ sinh gây ra thường là những hành vi cô lập xã hội đối với nạn nhân như tỏ thái độ không muốn ngồi cạnh bạn nào đó hay không cho bạn tham gia hoạt động nhóm cùng, hoặc loại bạn ra khỏi nhóm bạn (Biểu đồ 3).

Biểu đồ 3. Các hành vi bạo lực tinh thần do nữ sinh gây ra cho bạn nữ khác (%)



Phân tích một số đặc điểm của nữ sinh gây bạo lực tinh thần, số liệu dưới đây cho thấy những trẻ không có sự gắn kết với giáo viên, từng chứng kiến bạo lực giữa bố và mẹ cũng như trải qua bạo lực từ bố dường như là nhóm có khả năng gây bạo lực nhiều hơn.

Đáng chú ý là những trẻ có bạn thân ở trường lại có tỷ lệ gây bạo lực cao hơn so với nhóm trẻ không có bạn thân. Có thể giải thích điều này từ khía cạnh quan hệ trong nhóm đồng đẳng, khi một thành viên bị bạo lực/hoặc gây bạo lực, rất có khả năng các học sinh trong nhóm có hành vi trả đũa/cùng gây bạo lực. Qua cơ chế bắt chước và lây lan, các em học tập hành vi của nhau, thực hiện các hành động bạo lực mang tính tập thể (Nguyễn Thị Thanh Bình, Nguyễn Thị Mai Lan, 2013). Nghiên cứu của Ông Thị Mai Thương chỉ ra rằng những chuẩn mực giá trị nhóm được coi là một yếu tố kích thích hành

vi bạo lực của học sinh trung học. Khi một học sinh gia nhập nhóm bạn, em đó phải có tinh thần sẵn sàng tham gia các hoạt động chung của nhóm, kể cả các hoạt động bạo lực vì nhóm coi đó là hành vi thể hiện sự gắn kết với nhóm; nếu em không tham gia/nêu ý kiến phản đối bạo lực, em sẽ bị các bạn trong nhóm chế giễu, bị cô lập và không được bảo vệ, giúp đỡ khi bị bạo lực (Ông Thị Mai Thương, 2016).

Bảng 2. Tỷ lệ nữ sinh gây bạo lực tinh thần chia theo một số đặc điểm của trẻ (%)

	Nữ sinh gây bạo lực tinh thần	
	%	N
Chung	24,6	228
Gắn kết giữa giáo viên và học sinh		
Có gắn kết	20,3	64
Không gắn kết	26,9	156
Bạn thân ở trường		
Có bạn thân	26,4	193
Không có bạn thân	18,2	22
Chứng kiến bạo lực giữa bố và mẹ		
Có chứng kiến	19,3	57
Không chứng kiến	25,8	128
Bị bạo lực từ bố		
Bị bạo lực	26,3	57
Không bị bạo lực	24,0	171

Do đó, tuy mối quan hệ giữa việc có bạn thân và sử dụng bạo lực trong nghiên cứu của chúng tôi không có ý nghĩa thống kê, song nó cũng gợi ý đến vai trò quan trọng của nhóm đồng đẳng trong việc làm tăng hoặc giảm thiểu tình hình bạo lực học đường theo các nghiên cứu đi trước đã từng đề cập.

4.2. Phản ứng với bạo lực tinh thần từ phía bạn học

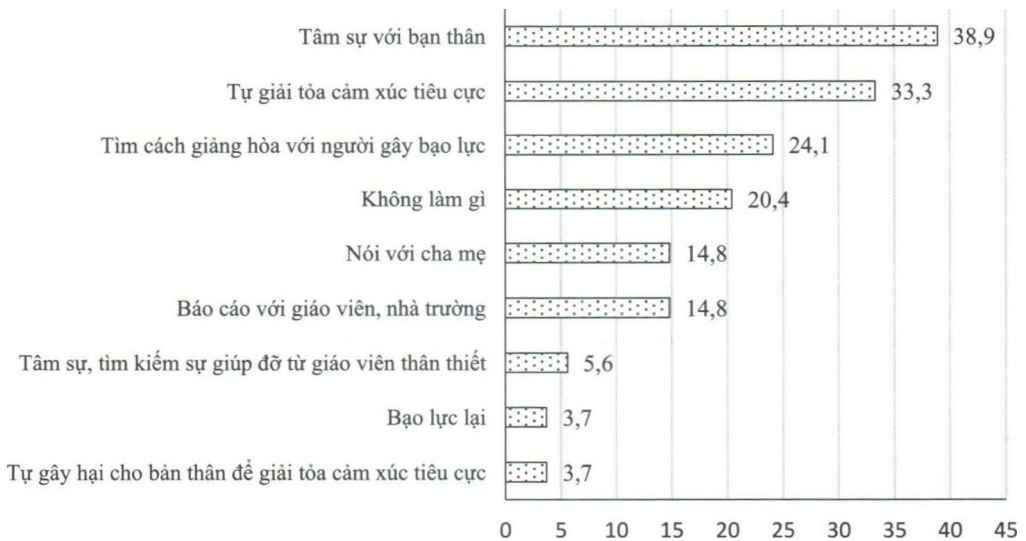
Số liệu nghiên cứu cho thấy, khi chứng kiến một vụ bạo lực học đường nói chung, một nửa học sinh trả lời là không làm gì (49,%), 41,6% học sinh nói rằng sẽ báo cáo thầy cô, và chỉ có 6,5% học sinh cố gắng can ngăn các bạn.

Đó là các phản ứng của các em khi ở vị trí ngoài cuộc, còn khi bản thân trở thành nạn nhân bạo lực tinh thần thì các em sẽ làm gì? Nghiên cứu của chúng tôi cho thấy hơn một phần ba nữ sinh lựa chọn tâm sự với bạn thân hoặc tự tìm cách giải tỏa cảm xúc tiêu cực. Việc tìm đến những người lớn để tâm sự hoặc

báo cáo vấn đề vẫn chiếm tỷ lệ thấp. Điều đáng mừng là tỷ lệ trẻ tìm đến những cách thức cực đoan như tự gây hại cho bản thân hay bạo lực lại bạn khi bị bạo lực tinh thần rất thấp (Biểu đồ 4).

Xu hướng giải quyết trong im lặng, ôn hòa và hạn chế báo cáo tình hình với người lớn được ghi nhận trong nhiều nghiên cứu khác. Ví dụ, kết quả nghiên cứu của Nguyễn Thị Như Trang (2017) cho thấy, học sinh tuổi vị thành niên thường gắn bó với bạn bè nhiều hơn với gia đình, khi có xung đột ở trường học, phần lớn các em sẽ chia sẻ cảm xúc tiêu cực và tìm kiếm lời khuyên trước hết ở bạn bè. Một nghiên cứu định tính của Trương Thị Thu Thủy (2021) về cách trẻ em ứng phó với các hành vi bạo lực trực tuyến cũng ghi nhận rằng trẻ ít khi trình bày vấn đề với bố mẹ và nhà trường vì nhiều lý do, ví dụ như có bố mẹ quy chiếu các vấn đề con gặp phải theo góc nhìn của mình, do đó, đôi lúc có thể “nghiêm trọng hóa vấn đề” khi xử lý. Ngoài ra, ở độ tuổi này, “học sinh không thích việc thưa thầy thưa cô khi có chuyện xảy ra vì giáo viên sẽ sử dụng hội đồng nhà trường, mời phụ huynh” (Trương Thị Thu Thủy, 2021: 46). Nghiên cứu của IGSR và UNICEF (2017) còn cho thấy rằng, dường như trẻ càng lớn thì càng hạn chế tìm kiếm sự giúp đỡ từ các thầy cô bởi chúng sợ vấn đề của mình sẽ không được bảo mật.

Biểu đồ 4. Phản ứng của nữ sinh khi bị bạn học nữ bạo lực tinh thần (%)



Giải thích thêm cho vấn đề tại sao nạn nhân bạo lực thường im lặng, trong một nghiên cứu về tâm lý nạn nhân, Kidd và Chayet (1984) cho rằng, việc nạn

nhân không báo cáo đến những người có trách nhiệm là kết quả đơn lẻ hoặc kết hợp của ba yếu tố sau: (a) nỗi sợ hãi của nạn nhân, (b) cảm giác bất lực và nhận thức được sự bất lực của những người có trách nhiệm, và (c) mối đe dọa thêm nạn nhân từ cơ quan quản lý. Có thể học sinh bị bạo lực đã từng chứng kiến cách giải quyết của nhà trường và cha mẹ trước những sự việc tương tự và thấy rằng nó không hiệu quả, vì thế, các em đã tự tìm cách giải quyết mà không báo cáo sự việc với người lớn.

“Cháu từng bị cô lập vì không kịp đưa đáp án bài kiểm tra cho các bạn. Họ cố ý tách cháu ra khỏi những hoạt động chung. Cháu im lặng vì sợ bố mẹ nhọc lòng, nói với thầy cô thì sợ các bạn trả thù” (PVS, Học sinh nữ lớp 11).

“Vì một số bạn nam thích cháu mà các bạn nữ thích mấy bạn nam đó đã xúc phạm, nói xấu, dọa đánh cháu. Cách giải quyết của cháu là mặc kệ không quan tâm đến các bạn nữ ấy” (PVS, Học sinh nữ lớp 11).

Như vậy, khả năng báo cáo bạo lực của học sinh bị ảnh hưởng bởi các yếu tố khác nhau. Nghiên cứu này cho thấy các học sinh nữ đã từng chứng kiến bạo lực giữa bố và mẹ có tỷ lệ báo cáo sự việc cho giáo viên cao hơn nhóm chưa từng chứng kiến (23,5% so với 16,7%). Học sinh nữ có sự gắn kết với giáo viên ở trường thì tỷ lệ báo cáo sự việc với giáo viên/nhà trường là 33,3%, cao gấp hơn 6 lần nhóm không có sự gắn kết, và mối liên hệ này có ý nghĩa thống kê ($p=0,007$). Kết quả này cho thấy giáo viên có một vai trò nhất định trong việc phòng chống và giảm thiểu bạo lực học đường và điều này đã được nhiều nghiên cứu đi trước chứng minh. Ví dụ như nghiên cứu của Olweus chỉ ra rằng, nạn nhân bạo lực học đường có liên quan đến mối quan hệ tiêu cực với giáo viên bởi vì các em cảm thấy không được bảo vệ khi trở thành mục tiêu bị bắt nạt, các em phải chịu đựng sự bất an lớn, cảm thấy bạo lực không nhận được sự quan tâm đúng mức từ phía giáo viên và trường học (Olweus, 1993, dẫn lại theo Berkowitz, 2014). Tương tự, nghiên cứu của Berkowitz và Benbenishty (2012, dẫn lại theo Berkowitz, 2014) cho thấy, những học sinh bị bạo lực ít nhận được sự hỗ trợ từ giáo viên sẽ muốn nghỉ học vì sợ hãi nhiều hơn đáng kể so với học sinh thuộc các nhóm khác. Vì vậy, nếu học sinh và giáo viên cùng có những phản ứng tích cực đối với bạo lực, số vụ việc bạo lực và nạn nhân bạo lực ở trường có thể giảm thiểu (Berkowitz, 2014).

Bên cạnh đó, nghiên cứu cũng ghi nhận rằng các nữ sinh thường chịu bạo lực tinh thần từ một nhóm các bạn nữ khác. Điều này khẳng định lại kết luận của Monks và cộng sự (2009) rằng, “sự bắt nạt hiếm khi xảy ra giữa hai cá nhân một cách cô lập” (Monks và cộng sự, 2009: 154, dẫn lại theo Maunder và Crafter,

2018: 18). Do đó, để thúc đẩy phản ứng tích cực đối với hành vi bạo lực tinh thần nói riêng và hành vi bạo lực học đường nói chung, bên cạnh việc phát huy vai trò của giáo viên thì cũng cần có biện pháp đối với các hoạt động tiêu cực của nhóm đồng đẳng, khuyến khích tập thể đánh giá lại các chuẩn mực của nhóm (Maunder và Crafter, 2018) nhằm xây dựng các nhóm đồng đẳng lành mạnh hơn trong nhà trường. Việc tập trung xem xét nhiều hơn về các yếu tố ngữ cảnh dẫn đến các mô hình hành vi bạo lực cụ thể có thể hữu ích cho việc phát triển các chương trình can thiệp hiệu quả hơn.

5. Kết luận

Kết quả nghiên cứu đã ghi nhận mức độ bạo lực tinh thần khá phổ biến ở địa bàn khảo sát. Các hành vi bạo lực tinh thần thường đến từ một nhóm các học sinh nữ khác, và một số hành vi thường thấy là buôn chuyện hoặc lan truyền tin đồn không hay, chế giễu, mỉa mai hình thể hay tính cách hoặc loại trừ xã hội. Đáng chú ý là tình trạng nữ sinh phải chịu đựng nhiều loại hành vi bạo lực tinh thần từ các bạn học tương đối phổ biến.

Nghiên cứu này đã cho thấy xu hướng phản ứng có tính chất ôn hòa của học sinh nữ khi bị bạo lực, đồng thời cũng ghi nhận vai trò của giáo viên trong phòng chống bạo lực học đường. Việc xây dựng được mối quan hệ thân thiết, gắn kết giữa giáo viên và học sinh có thể làm tăng tỷ lệ học sinh báo cáo sự việc, từ đó giáo viên và nhà trường có thể có những biện pháp kịp thời ngăn ngừa các tình huống bạo lực xảy ra hoặc giảm thiểu tác động tiêu cực của sự việc. Việc đặt trọng tâm vào thúc đẩy vai trò chủ động, tích cực của học sinh và giáo viên, cũng như xây dựng các nhóm đồng đẳng có nhận thức và hoạt động lành mạnh về bạo lực trong nhà trường có thể là gợi ý hữu ích cho những chương trình phòng chống bạo lực học đường của các cơ quan hữu quan.

Tài liệu trích dẫn

- Berkowitz, R. 2014. "Student and teacher responses to violence in school: The divergent views of bullies, victims, and bully-victims". *School Psychology International*, Vol. 35(5), pp. 485-503. DOI: 10.1177/0143034313511012.
- Bộ Y tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Tổ chức Y tế Thế giới. 2021. *Báo cáo Khảo sát sức khỏe học sinh toàn cầu tại trường học năm 2019 tại Việt Nam*.
- Đặng Bích Thủy, Trương Thị Thu Thủy, Trần Quý Long, Vũ Thị Cúc, Nguyễn Thị Hồng Hạnh. 2018. *Bạo lực học đường trong học sinh trung học: một số vấn đề cần quan tâm*. Báo cáo thường niên 2018. Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới.

- Estévez, E., Jiménez, T. I., Musitu, G. 2008. *Violence and victimization at school in adolescence*. In: School Psychology ISBN 978-1-60456-521-8 Editor: David H. Molina, pp. 79-115.
- IGSR và UNICEF. 2017. *Violence against children in Suriname: Students Survey*.
- Inchley J, Currie D, Budisavljevic S, Torsheim T, Jåstad A, Cosma A et al., editors. 2020. *Spotlight on adolescent health and well-being. Findings from the 2017/2018 Health Behaviour in School-aged Children (HBSC) survey in Europe and Canada*. International report. Volume 1. Key findings. Copenhagen: WHO Regional Office for Europe.
- Kidd, R.F. and Chayet, E.F. 1984. “Why Do Victims Fail to Report? The Psychology of Criminal Victimization”. *Journal of Social, Issues* 40 (1): pp.39-50. <https://doi.org/10.1111/j.1540-4560.1984.tb01081.x>
- Lê Văn Anh và cộng sự. 2013. *Giải pháp ngăn ngừa các hành vi bạo lực trong học sinh Trung học phổ thông*. Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
- Maunder, R.E. and Crafter, S., 2018. “School bullying from a sociocultural perspective”. *Aggression and Violent Behavior* 38 (2018) pp.13-20. <https://doi.org/10.1016/j.avb.2017.10.010>.
- Nguyễn Thị Như Trang. 2017. *Bạo lực học đường từ góc nhìn của người trong cuộc: một số vấn đề thực tiễn và lý luận* (sách chuyên khảo). Nxb. Đại học quốc gia Hà Nội.
- Nguyễn Thị Thanh Bình và Nguyễn Thị Mai Lan. 2013. *Bạo lực học đường ở Việt Nam hiện nay nhìn từ góc độ tâm lý học* (sách chuyên khảo). Nxb. Từ điển bách khoa, Hà Nội.
- Ông Thị Mai Thương. 2016. “Ảnh hưởng của nhóm không chính thức đến hành vi bạo lực của học sinh trung học phổ thông”. *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Nghệ An*, số 6/2016, tr. 32-37.
- Phan Đức Nam, 2016. *Bạo lực học đường ở Việt Nam từ góc nhìn xã hội học*. Đề tài cơ sở Viện Xã hội học năm 2016.
- Plan International and ICRW. 2015. *Are schools safe and gender equal spaces? Findings from a baseline study of School Related Gender-based Violence in five countries in Asia*. Washington DC/Woking, UK: International Centre for Research on Women/Plan International. (Research Report of Promoting Equality and Safety in Schools PEASS).
- Schwartz, D., Mayeux, L., Harper, J. 2011. “Bully/Victim Problems During Adolescence”. In *Encyclopedia of Adolescence*, (Vol. 2). pp. 25-34. Editors-in-Chief: Brown, B.B., Prinstein, M.J., 2011. ISBN 978-0-12-373951-3. Academic Press. DOI:10.1016/C2009-1-03841-6.

- Sellnow, K., Esbensen, K. and Cisler, J. M. 2019. "Social Trust and Reciprocity Among Adolescent Girls Exposed to Interpersonal Violence". *Journal of Interpersonal Violence*. DOI: 10.1177/0886260519881522.
- Trương Thị Thu Thủy. 2021. *Bảo vệ trẻ em trong môi trường công nghệ số: một số phát hiện từ nghiên cứu định tính*. Báo cáo tổng hợp đề tài cơ sở năm 2021. Đề tài do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới chủ trì thực hiện.
- UNESCO. 2016. *From insult to inclusion. Asia-Pacific report on bullying, violence and discrimination on the basis of sexual orientation and gender identity*. <https://unesdoc.unesco.org/ark:/48223/pf0000235414>.
- UNESCO. 2019. *Behind the numbers: ending school violence and bullying*. ISBN: 978-92-3-100306-6.
- Wandera, S. O., Clarke, K., Knight, L., Allen, E., Walakira, E., Namy, S., Naker, D., and Devries, K. 2017. "Violence against children perpetrated by peers: A cross-sectional school-based survey in Uganda". *Child abuse & neglect*, 68, pp.65-73. <https://doi.org/10.1016/j.chiabu.2017.04.006>.